

Bản án số: 154/2019/DS-ST  
Ngày 08-10-2019  
V/v tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Cà MAU, TỈNH Cà MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Xuân Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thanh Liêm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 272/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 718/2019/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành K, sinh năm: 1979

Địa chỉ: Số 35 đường DM, ấp L, xã L, Tp.C, tỉnh C (Có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Trần Văn Đ

Địa chỉ: Số 83 đường M, khóm N, phường N, Tp. C, tỉnh C theo giấy ủy quyền ngày 07/7/2019 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Mai Bá C, sinh năm: 1969

**ĐKNKTT: Số 29 đường B, khóm B, phường A, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.**

**Chỗ ở: Số 65, phường S, Tp.C, tỉnh C (Có mặt)**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng ông Trần Văn Đ - đại diện nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 14/9/2018 ông Nguyễn Thành K có cho ông Mai Bá C vay số tiền 465.000.000đ, vay không kỳ hạn, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, lãi đóng hàng tháng. Để đảm bảo việc trả nợ ông C có cầm cố cho ông K 01 sổ bảo hiểm xã hội, mã số 5996001098 (cấp lần 2), hai bên có lập hợp đồng cầm cố. Vào ngày 19/9/2018 ông C tiếp tục vay thêm 60.000.000đ với thỏa thuận về thời hạn và lãi suất như trên, có làm biên nhận. Tuy nhiên từ khi vay đến nay ông C vi phạm thỏa thuận, không trả lãi và vốn theo thỏa thuận. Nay ông Nguyễn Thành K yêu cầu ông Mai Bá C phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 525.000.000 (Năm trăm hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật.

*Tại biên bản hòa giải, quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Mai Bá C trình bày:* Vào ngày 26/3/2018, qua môi giới của ông Tuấn ông có thể chấp sổ bảo hiểm xã hội của ông cho ông Nguyễn Thành K để vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất 0,8%/ngày (24%/tháng), ông đã thanh toán lãi cho ông K trước 01 tháng là 48.000.000đ và trả cho ông Tuấn 10.000.000đ tiền môi giới, ông chỉ thực nhận số tiền 142.000.000đ. Đến ngày 14/5/2018, do không có tiền trả vốn và lãi nên ông K yêu cầu ông viết lại giấy nhận nợ cộng vốn và lãi là 250.000.000đ. Ngày 03/6/2018 ông có chuyển cho ông K số tiền 20.000.000đ ngày 19/6/2018 ông tiếp tục chuyển cho ông K số tiền 20.000.000đ bằng điện thoại di động qua tài khoản Vietinbank. Ngày 16/7/2018 ông tiếp tục chuyển cho ông K số tiền 20.000.000đ bằng ủy nhiệm chi tại Vietinbank. Ngày 24/7/2018 theo yêu cầu của ông K, ông phải ký lại hợp đồng cầm đồ số tiền là 330.000.000đ. Trong đó vốn và lãi cộng dồn được tính như sau:  $250.000.000đ \times 24\% = 60.000.000đ$ . Trả 40.000.000đ còn lại 20.000.000đ, đến 13/7/2018 tiền lãi  $60.000.000đ + 20.000.000đ = 80.000.000đ$ , sau đó trả 20.000.000đ, còn lại 60.000.000đ, đến ngày 24/7/2018 lãi thêm 22.000.000đ, cộng 60.000.000đ tiền lãi còn thiếu, tổng lãi còn thiếu là 82.000.000đ, cộng vốn gốc 332.000.000đ, ông K bớt cho 2.000.000đ, còn ghi nợ lại 330.000.000đ. Đến ngày 14/9/2018 từ tiền gốc và lãi phát sinh ông K yêu cầu ông ký lại hợp đồng cầm đồ số tiền là 465.000.000đ. Cách tính tiền dồn là 01 tháng bằng:  $330.000.000đ \times 24\% = 79.000.000đ$  tiền lãi; Từ ngày 24/8/2018 đến ngày 14/9/2018 tiền lãi là 58.000.000đ. Như vậy tổng cộng tiền lãi là 137.000.000đ ông K có giảm cho ông 01 ngày còn lại 135.000.000đ cộng với tiền vốn 330.000.000đ = 465.000.000đ). Đến ngày 19/9/2018 ông tiếp tục vay của ông K thêm 60.000.000đ. Ngày 30/9/2018 ông có trả cho ông K 4.800.000đ chuyển tiền qua cửa hàng Viettel. Ngày 10/12/2018, do ông K gây áp lực đòi nợ nên ông phải làm bản thỏa thuận trả cho ông K 02 khoản là 465.000.000đ và 60.000.000đ, lãi suất theo lãi suất Ngân hàng. Đối với những biên nhận cộng dồn gốc và lãi thì ông chỉ có bản chụp lại, vì khi viết biên nhận ông đưa bản gốc cho ông K, ông chỉ chụp hình lại, không thể cung cấp được bản chính cho Tòa án. Hiện hoàn cảnh ông gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên ông xin nguyên đơn giảm bớt số tiền vay và lãi cho ông tạo điều kiện cho ông trả nợ.

*Tại phiên Tòa ông Nguyễn Thành K trình bày bổ sung:* Ông K xác định lại thời gian giao dịch hợp đồng vay là từ ngày 24/7/2018 với số tiền 330.000.000đ nhưng đến ngày 14/9/2018 ông C vay thêm số tiền là 135.000.000đ nên các đương sự có làm lại hợp đồng mới vào ngày 14/9/2018 với số tiền vay là 465.000.000đ và quá trình giao dịch ông C chỉ trả lãi được số tiền là 4.800.000đ. Đối với các khoản tiền ông C đã chuyển khoản 60.000.000đ là khoản tiền vay trước đó ông C đã thanh toán xong và ông đã trả lại hợp đồng vay cho ông C nên ông không nhớ chính xác nhưng hoàn toàn không liên quan đến khoản tiền ông đang yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Thành K khởi kiện yêu cầu ông Mai Bá C thanh toán khoản tiền vốn là 525.000.000 đồng và lãi theo quy định phát sinh từ giao

dịch tiền vay. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch tiền vay của các bên là có diễn ra trong thực tế đã được các đương sự thừa nhận nhưng ông K cho rằng số tiền vay và thời gian vay không đúng như nguyên đơn trình bày mà ông chỉ có vay của ông K số tiền 200.000.000đ vay từ ngày 26/3/201, lãi suất 0,8%/ngày (24%/tháng) và ông đã thanh toán lãi ông K trước 01 tháng là 48.000.000đ. Sau đó, do ông không thanh toán tiền được vốn và lãi nên ngày 14/5/2018 ông K buộc ông tính dồn vốn và lãi nên ông còn thiếu là 250.000.000đ. Ngày 24/7/2018 tiếp tục cộng dồn vốn và lãi sau khi đã đối trừ số tiền 60.000.000đ ông đã trả ông K thêm 22.000.000đ, còn ghi nợ lại 330.000.000đ. đến ngày 14/9/2018 ông K tiếp tục gây áp lực đòi nợ nên ông phải làm hợp đồng cầm đồ xác định số tiền vay là 465.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của ông C là chưa có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nếu thực tế ngày 26/3/2018 ông vay số tiền 200.000.000đ đã thanh toán lãi trước 01 tháng là 48.000.000đ thì đến ngày 14/5/2018 mới 20 ngày chưa đến ngày thanh toán lãi thì không thể có việc ký dồn lãi nhập vốn và nếu có tính lãi thì cũng chỉ có 20 ngày x 24%/tháng thì lãi cũng chỉ có 32.000.000đ thì không thể có việc viết biên nhận số tiền 250.000.000đ nên cách tính của ông C để xác định các hợp đồng có lãi nhập vốn cũng chưa chính xác. Ngoài ra, quá trình vay các đương sự hoàn toàn không có cơ sở xác định và chứng minh được lãi suất là bao nhiêu, trong khi nguyên đơn cho rằng lãi 2%/tháng, bị đơn cho rằng 24%/tháng và bản thân bị đơn tại phiên tòa cũng không chứng minh lãi đã thỏa thuận và không chứng minh được cụ thể các lần vay như nguyên đơn trình bày, do bị đơn chỉ cung cấp các biên nhận do chính bị đơn viết. Do đó, hiện bị đơn xác định số tiền 465.000.000đ có việc tính dồn từ lãi nhập vốn và yêu cầu điều chỉnh là chưa có căn cứ chấp nhận.

Trong khi đó hiện nguyên đơn chỉ thừa nhận ngày 24/7/2018 cho bị đơn vay số tiền 330.000.000đ nhưng do bị đơn vay thêm tiền nên ngày 14/9/2018 các bên đương sự thỏa thuận viết lại biên nhận với số tiền 465.000.000đ. Xét lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với thực tế đã được bị đơn thừa nhận là sau hợp đồng ngày 14/9/2018 thì đến ngày 19/9/2019 bị đơn lại tiếp tục vay tiền nguyên đơn số tiền 60.000.000đ và bị đơn cũng chỉ trả lãi được số tiền 4.800.000đ. Hiện bị đơn xác định ngoài các chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án như đã nêu ở trên thì không thể cung cấp thêm bất kỳ giấy tờ gì thể hiện lãi vay là 24%/tháng và biên nhận ngày 14/9/2018 là lãi nhập vốn.

[3] Đối với tiền lãi, hiện nguyên đơn yêu cầu điều chỉnh lại lãi, chỉ yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng cụ thể:

- Số tiền 465.000.000đ từ ngày 14/9/2018 đến ngày xét xử 08/10/2019 bằng 12 tháng 24 ngày, số tiền lãi là:  $465.000.000đ \times 0,83\% \times 12 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 49.401.600đ$ .

- Số tiền 60.000.000đ vay từ ngày 19/9/2018 đến ngày xét xử là 12 tháng 18 ngày tiền lãi là:  $60.000.000đ \times 0,83\% \times 12 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 6.291.400đ$

Tổng cộng vốn và lãi 580.693.000đ - số tiền ông C đã trả là 4.800.000đ đồng và giảm cho bị đơn số tiền là 60.000.000đ hiện chỉ yêu cầu thanh toán số tiền

là 515.893.000đ. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là hoàn toàn có lợi cho bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với số bảo hiểm xã hội mang tên Mai Bá C mã số 5996001098 (cấp lần 2), ông Nguyễn Thành K phải có nghĩa vụ trả lại cho Mai Bá C.

[5] Về án phí, theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu, đã nộp tiền tạm ứng án phí được trả lại toàn bộ cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và Điều 35, 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ, Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thành K. Buộc ông Mai Bá C thanh toán cho ông Nguyễn Thành K số tiền là 515.893.000đ. (Bằng chữ: Năm trăm mười lăm triệu, tám trăm chín mươi ba ngàn đồng).

Ông Nguyễn Thành K có nghĩa vụ trả lại cho Mai Bá C 01 sổ bảo hiểm xã hội, mã số 5996001098 (cấp lần 2).

Kể từ ngày ông Nguyễn Thành K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Mai Bá C không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Mai Bá C phải nộp là **24.636.000đ đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi sáu ngàn đồng) (chưa nộp)**. Ông K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp vào ngày 08/7/2019 là 12.500.000 đồng theo biên lai số 0000409 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Xuân Trúc**

